

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **09/2013/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật phòng, chống mua bán người**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật phòng, chống mua bán người.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người về cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân; tổ chức, hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân.

Điều 2. Chính sách khuyến khích đối với tổ chức, cá nhân tham gia công tác hỗ trợ nạn nhân

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại Nghị định này; đồng thời hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở bảo trợ xã hội công lập thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân.

2. Tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 3. Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ nạn nhân

1. Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ nạn nhân từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;
- c) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ nạn nhân từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các bộ, ngành và địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Ngân sách địa phương hỗ trợ cho các cơ sở hỗ trợ nạn nhân để thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định này trên cơ sở số nạn nhân được cơ sở trợ giúp.

Chương II CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Mục 1 CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Điều 4. Điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân:

- a) Có trụ sở làm việc ổn định, thuận tiện giao thông;
- b) Diện tích đất tự nhiên tối thiểu 15 m²/nạn nhân; diện tích phòng ở bình quân 05 m²/nạn nhân;
- c) Có trang thiết bị, phương tiện phù hợp với nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân;
- d) Có ít nhất 05 (năm) nhân viên, trong đó 02 (hai) nhân viên có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành công tác xã hội.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể về các điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân dự kiến đặt trụ sở có thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là Giấy phép thành lập).

Điều 6. Trình tự gửi, tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thành lập gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi dự kiến đặt trụ sở để thẩm định.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2. Đề án thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân, bao gồm các nội dung: Sự cần thiết; mục tiêu; nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức, nhân sự; các điều kiện đảm bảo hoạt động; tính khả thi của đề án.

3. Lý lịch cá nhân của người dự kiến đứng đầu cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Các giấy tờ và văn bản có liên quan chứng minh đủ các điều kiện để thành lập cơ sở theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 8. Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định những nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân;

b) Mục tiêu, phạm vi hoạt động, tên gọi, nhiệm vụ và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, nhân sự; cơ chế tài chính;

c) Điều kiện bảo đảm hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân khi được phép thành lập;

d) Tính khả thi của việc thành lập, hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải thực hiện thẩm định và có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Quyết định cấp Giấy phép thành lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ văn bản đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định việc cấp Giấy phép thành lập.

2. Giấy phép thành lập có thời hạn tối đa là 05 (năm) năm, gồm các nội dung chính sau:

a) Tên cơ sở, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax (nếu có);

b) Họ và tên người đứng đầu;

c) Phạm vi hoạt động, các dịch vụ hỗ trợ.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mẫu Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Thời hạn cấp Giấy phép thành lập:

a) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cấp Giấy phép thành lập;

b) Trường hợp không cấp Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Các trường hợp không cấp Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Tổ chức cá nhân Việt Nam thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Việc thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc lợi dụng việc thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

c) Hồ sơ không hợp lệ.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập

1. Giấy phép thành lập phải sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi người đứng đầu;
- b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở;
- c) Thay đổi tên gọi, phạm vi hoạt động, dịch vụ hỗ trợ được cấp phép.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

b) Bản sao Giấy phép thành lập đã được cấp;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh việc thay đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi, tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thành lập phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để làm thủ tục sửa đổi, bổ sung.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập.

Trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Cấp lại Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cá nhân được cấp lại Giấy phép thành lập trong trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh Giấy phép thành lập bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giấy phép thành lập bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để làm thủ tục cấp lại.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cấp lại Giấy phép thành lập.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại Giấy phép thành lập.

Trường hợp không đồng ý cấp lại Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Gia hạn Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cá nhân được gia hạn Giấy phép thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhu cầu tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ nạn nhân;

b) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không vi phạm pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

b) Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp theo của cơ sở;

c) Bản gốc Giấy phép thành lập đã được cấp.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc, trước khi Giấy phép thành lập hết hạn, tổ chức, cá nhân phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để làm thủ tục gia hạn.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc gia hạn Giấy phép thành lập.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn Giấy phép thành lập. Thời hạn gia hạn Giấy phép thành lập tối đa là 05 (năm) năm.

Trường hợp không đồng ý gia hạn Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Điều 14. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân được thành lập, tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, tự trang trải kinh phí; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chỉ được thực hiện các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân trong phạm vi Giấy phép thành lập; tuân thủ pháp luật, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác hỗ trợ nạn nhân của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật phòng, chống mua bán người và các quy định khác có liên quan.

2. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân theo quy định của pháp luật.

3. Được tuyển dụng lao động làm việc tại cơ sở. Việc tuyển dụng, sử dụng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

4. Được huy động các nguồn tài trợ trong nước và ngoài nước để thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Hoạt động theo đúng nội dung, phạm vi hoạt động quy định trong Giấy phép thành lập.

2. Trách nhiệm thông báo hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân:

a) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải thông báo trên báo địa phương hoặc báo Trung ương trong 05 (năm) số liên tục các thông tin về tên gọi, địa chỉ liên lạc, lĩnh vực hoạt động, tài khoản, họ và tên người đứng đầu, số điện thoại;

b) Trước 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu hoạt động, cơ sở phải thông báo bằng văn bản với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về ngày bắt đầu hoạt động và lĩnh vực hoạt động;

c) Tại trụ sở chính của cơ sở phải có biển đề tên của cơ sở hỗ trợ nạn nhân, số điện thoại, địa chỉ. Trường hợp cần dùng tiếng nước ngoài, thì chữ nước ngoài phải nhỏ hơn và viết ở phía dưới chữ tiếng Việt. Cơ sở phải có sơ đồ các bộ phận làm việc và phải được niêm yết công khai cùng bản sao Giấy phép thành lập (có công chứng) tại trụ sở.

3. Báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động hỗ trợ nạn nhân với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Điều 17. Tạm thời đình chỉ hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chưa đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 4 Nghị định này; không thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn chuyên môn về hỗ trợ nạn nhân của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không hoạt động trong thời gian 06 (sáu) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập; ngừng hoạt động 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Có dấu hiệu hoặc căn cứ cho rằng cơ sở lợi dụng hoạt động hỗ trợ nạn nhân để mua bán người, mua bán trẻ em; bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc tiến hành các hoạt động bất hợp pháp khác;

c) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không báo cáo định kỳ theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hoạt động của cơ sở; không gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày cơ quan thanh tra, kiểm tra yêu cầu bằng văn bản;

d) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân vi phạm các quy định về cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định này;

đ) Hết thời hạn tạm thời đình chỉ hoạt động mà cơ sở hỗ trợ nạn nhân không thực hiện theo các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản về việc vi phạm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép thành lập của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép thành lập.

Điều 18. Chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập;

b) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập mà tổ chức, cá nhân thành lập không đề nghị gia hạn;

c) Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập mà không được cơ quan có thẩm quyền gia hạn;

d) Bị thu hồi Giấy phép thành lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

2. Thủ tục, thời gian đề nghị chấm dứt hoạt động đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này gồm:

a) Tổ chức, cá nhân thành lập làm đơn đề nghị chấm dứt hoạt động theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị chấm dứt hoạt động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có ý kiến bằng văn bản.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc, trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của cơ sở theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải gửi văn bản thông báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở đặt trụ sở về việc chấm dứt hoạt động, phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động phải được công bố công khai tại trụ sở của cơ sở.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định không gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân hoặc ngày quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải công bố về việc chấm dứt hoạt động và nêu rõ thời điểm chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Chương III **CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN** **CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NẠN NHÂN**

Điều 19. Chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

1. Đối tượng hỗ trợ gồm những trường hợp sau đây:

a) Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam;

b) Người trong thời gian chờ xác minh là nạn nhân theo quy định tại Điều 24, Điều 25 của Luật phòng, chống mua bán người;

c) Người chưa thành niên đi cùng nạn nhân.

2. Chế độ hỗ trợ gồm:

a) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian tạm trú tại cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Thời gian hỗ trợ tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước không quá 60 (sáu mươi) ngày;

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết. Nạn nhân trong thời gian tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được cấp 02 (hai) bộ quần áo dài, 02 (hai) bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng, băng vệ sinh (đối với nạn nhân là nữ);

c) Nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường thì được hỗ trợ tiền ăn trong những ngày đi trên đường; hỗ trợ tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

Nạn nhân là người chưa thành niên thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện) hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tự mình hoặc phối hợp với cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội đưa nạn nhân về nơi người thân thích cư trú.

3. Trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ:

a) Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển (đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân); cơ sở hỗ trợ nạn nhân; cơ sở bảo trợ xã hội.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển (đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân) không có điều kiện bố trí ăn, ở cho nạn nhân, sau khi tiếp nhận, giải cứu và làm các thủ tục xác định nạn nhân, cơ quan tiếp nhận, giải cứu chuyển nạn nhân đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định.

b) Cơ quan chịu trách nhiệm hỗ trợ tiền tàu xe và tiền ăn theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này gồm: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên thì cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân chịu trách nhiệm cử người giám hộ trong suốt quá trình nạn nhân ở cơ sở, khi làm các thủ tục pháp lý để trở về nơi cư trú.

4. Căn cứ vào các chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Khoản 2 Điều này và tình hình thực tế của địa phương, các cơ quan theo quy định tại Khoản 3 Điều này lập dự toán trong ngân sách chi thường xuyên hàng năm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Hỗ trợ y tế

1. Đối tượng hỗ trợ gồm nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Chế độ hỗ trợ y tế gồm chi phí khám bệnh và chi phí chữa bệnh.

3. Trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, nạn nhân được chăm sóc y tế để phục hồi sức khỏe. Trường hợp nạn nhân bị ốm nặng phải chuyển đến cơ sở y tế điều trị thì chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế do nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân tự thanh toán.

Đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên được cơ sở hỗ trợ nạn nhân hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho các đối tượng tương ứng. Đối với nạn nhân không còn thân nhân được cơ sở hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

Trường hợp đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng thì được quỹ bảo hiểm y tế chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

4. Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng thực hiện theo quy định đối với đối tượng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

5. Căn cứ quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này và tình hình thực tế của địa phương, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân lập dự toán chi phí hỗ trợ y tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 21. Hỗ trợ tâm lý

1. Đối tượng hỗ trợ gồm nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Chế độ hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân gồm tư vấn, tham vấn tâm lý cho nạn nhân và thực hiện các liệu pháp trị liệu nhóm.

3. Cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ giúp nạn nhân ổn định tâm lý trong thời gian lưu trú. Đối với nạn nhân là người chưa thành niên, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm liên hệ, đánh giá về mức độ an toàn đối với nạn nhân khi trở về gia đình hoặc nơi cư trú trước khi đưa nạn nhân trở về.

Điều 22. Trợ giúp pháp lý

1. Đối tượng hỗ trợ gồm:

a) Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam;

b) Nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam.

2. Chế độ trợ giúp pháp lý gồm: Tư vấn pháp luật để phòng ngừa bị mua bán trở lại; trợ giúp làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, đòi bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người.

3. Trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Điều 23. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu

1. Đối tượng hỗ trợ gồm nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam.

2. Chế độ hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu gồm:

a) Nạn nhân thuộc hộ nghèo được miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Nạn nhân có nhu cầu học nghề thì được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Mức hỗ trợ theo chi phí đào tạo nghề tương ứng tại các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương;

c) Đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu theo mức do Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

3. Thủ tục thực hiện chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân được quy định như sau:

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận người đề nghị hỗ trợ là nạn nhân;

b) Trình tự và thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân, nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân làm đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.

Điều 24. Hỗ trợ vay vốn

Nạn nhân có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh được xem xét tạo điều kiện vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Điều kiện, thời hạn và mức vốn cho vay thực hiện theo quy định hiện hành đối với các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm.

Chương IV TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân, tiêu chuẩn dịch vụ hỗ trợ nạn nhân.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách về hỗ trợ nạn nhân.

3. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập, hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân và chế độ, chính sách hỗ trợ nạn nhân.

4. Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ nạn nhân; thực hiện hợp tác quốc tế về hỗ trợ nạn nhân.

Điều 26. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung chi, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định này.

2. Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Ngoại giao, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ nạn nhân.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hỗ trợ nạn nhân; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân theo quy định.

2. Chỉ đạo thực hiện công tác hỗ trợ cho nạn nhân trong phạm vi địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật; bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập; quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật về hỗ trợ nạn nhân trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất công tác hỗ trợ nạn nhân theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2013.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).KN. **300**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is a circular emblem with a five-pointed star in the center. The text around the star reads "NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" and "THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ". Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink. Below the seal, the name "Nguyễn Tấn Dũng" is printed in a bold, black font.